TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 229/2023/DS-PT Ngày 20-7-2023 V/v Tranh chấp lối đi chung.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Tuấn, bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2023/TLPT-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp lối đi chung". Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST, ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐ – PT, ngày 23/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1968; địa chỉ: Buôn T, xã Buôn Tr, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – có mặt tại phiên tòa.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Buôn Tr2, xã Buôn Tr2, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Vũ Trọng T – Văn phòng Luật sư HĐ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 81/16 đường G, phường TL, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk – có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955; địa chỉ: Buôn T, xã Buôn Tr, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Ng (chồng bà B); địa chỉ: Buôn T, xã Buôn Tr, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:***

Gia đình ông Nguyễn Đức H và gia đình bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn NG là các chủ sử dụng đất liền kề nhau. Gia đình ông H sửa dụng thửa đất số 43, gia đình bà B sử dụng thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130 (đo đạc năm 2009) tại xã Buôn Tr, huyện L. Cả 02 gia đình và một số gia đình khác cùng sử dụng chung con đường từ tỉnh lộ 687 đi vào, phía cuối đường là vào đến nhà bà B. Khi gia đình ông H làm hàng rào đã xảy ra mâu thuẫn giữa hai gia đình, bà B cho rằng ông H đã lấn ra đường nên vào khoảng đầu tháng 12 năm 2021, bà B cũng tiến hành rào dọc đoạn đường từ cổng nhà bà B đến hết đoạn vườn chuối nhà ông H (thửa đất số 151 tờ bản đồ số 15b, bản đồ địa chính năm 1997; nay là một phần của thửa đất số 41, tờ bản đồ số 130, phía đối diện thửa đất 43 cũng của nhà ông H) nhằm mục đích không cho gia đình ông H đi trên đoạn đường của nhà bà B, đoạn từ cổng nhà ông H đến thửa đất xuống vườn chuối và ruộng lúa bên cạnh và phía dưới đường đi vào cổng nhà bà B.

Vì vậy, ông H khởi kiện gia đình bà B, đề nghị Tòa án buộc gia đình bà B phải tháo dỡ hàng rào dài khoảng 22,5m để ông H có lối đi xuống sử dụng vườn chuối.

**** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn trình bày:***

Lối đi chung từ tỉnh lộ 687 đi vào khu xóm chỉ đến hết đám ruộng (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 130, bản đồ địa chính năm 2009) của gia đình ông Mai Văn H; đoạn từ đất ở của nhà ông H đến thửa đất nhà bà B (thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130) là lối đi riêng của gia đình bà B. Năm 1991, gia đình bà nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Phan Thế Q, ông Q đã chuyển nhượng cả phần đất có con đường làm lối đi riêng vào nhà bà B. Trước khi ông H về ở tại thửa đất số 43 thì thửa đất này là của gia đình ông Trần Công C. Trước đây đoạn đường này đồi, dốc ngoài gia đình bà B thì không ai sử dụng để đi lại ngay cả gia đình ông C. Qua nhiều năm, gia đình bà B bỏ rất nhiều công sức cải tạo, thuê máy móc san ủi mới mở được con đường như ngày nay nên nhiều người chuyển sang đi con đường này, trong đó có gia đình ông C và sau này năm 2019 ông C chuyển nhượng lại cho gia đình ông H, gia đình ông H và gia đình ông Hòa. Do đó, bà B không chấp nhận tháo dỡ hàng rào để gia đình ông H đi trên đoạn đường của gia đình bà B xuống khu vườn chuối và thửa ruộng bên cạnh.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST, ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 10 Điều 12; khoản 5, 7 Điều 166; khoản 1 Điều 170; Điều 202; Điều 203 Luật Đất đai; Điều 169; Điều 175; Điều 189; Điều 190 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất; buộc bà Nguyễn Thị B phải phá dỡ 22,5m hàng rào ngăn cản lối đi vào sử dụng khu vườn chuối, ruộng lúa nước có số thửa 151, 152 tờ bản đồ 15b (bản đồ địa chính năm 1997) của ông Nguyễn Đức H (đoạn hàng rào lưới B40, lưới cước, nhựa, cọc tre, cọc bê tông từ cổng nhà bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Ng đến nhà ông Nguyễn Văn C1).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/4/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ng mặc dù đã được triệp tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Sự vắng mặt của ông Ng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Ng.

Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự, miễn án phí cho bà Nguyễn Thị B.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xe xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Gia đình nguyên đơn ông Nguyễn Đức H hiện đang quản lý, sử dụng thửa đất số 43, tờ bản đồ số 130 (đo đạc năm 2009; trước đây theo bản đồ địa chính năm 1997 là thửa số 98 tờ bản đồ số 15b) tại xã Buôn Tr, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, theo GCNQSDD số AP 480965, cấp ngày 09/12/2009. Nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Trần Công C và bà Mai Thị M. Ngoài ra gia đình ông H còn đang quản lý,

sử dụng thửa đất số 151, tờ bản đồ số 15b tờ bản đồ địa chính năm 1997; nay là một phần thửa đất số 41, tờ bản đồ số 130 (đối diện thửa 43).

Gia đình bị đơn bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Ng hiện đang quản lý, sử dụng thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130 (đo đạc năm 2009; trước đây theo bản đồ địa chính năm 1997 là thửa số 99, tờ bản đồ số 15b) tại xã Buôn Tr, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; theo GCNQSDĐ số R274721, cấp ngày 18/07/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Ng.

Gia đình nguyên đơn và bị đơn cùng một số gia đình khác sử dụng con đường từ tỉnh lộ 687 đi vào; cụ thể con đường đi qua thửa đất số 43 và 41 của gia đình ông H rồi đến điểm cuối đường là nhà bà B.

[2] Nhận thấy lối đi từ tỉnh lộ 687 đến nhà bà B, ông Ng đã tồn tại theo bản đồ địa chính năm 1997 và 2009 của xã Buôn Tr, huyện L. Theo bản đồ địa chính năm 1997 thì lối đi này chạm đến thửa đất số 99, tờ bản đồ số 15b của gia đình bà B và vòng xuống dưới qua ranh giới đất vườn chuối (thửa 151) và thửa ruộng (thửa 154) của gia đình ông Trần Công C, và vòng ra sau đất nhà bà B; theo bản đồ địa chính năm 2009 thì điểm cuối của lối đi kết thúc tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130, là thửa đất hiện nay gia đình bà B đang quản lý, sử dụng.

Theo GCNQSDD số AP 480965, cấp ngày 09/12/2009 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 130 của gia đình ông H, thể hiện sự tồn tại của lối đi này và đối diện là vườn chuối của gia đình ông H. Đồng thời theo GCNQSDĐ số R274721, cấp ngày 18/07/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị B không thể hiện quyền sử dụng của gia đình bà B đối với lối đi này. Trong quá trình sử dụng, gia đình bà B có công sức san ủi, cải tạo lối đi theo lời trình bày của bà B là có căn cứ. Tuy nhiên, việc bà B làm hàng rào ngăn cản ông H đi vào phần đất của ông H quản lý, sử dụng là hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của ông H.

Như vậy, có căn cứ xác định lối đi từ tỉnh lộ 687 đã tồn tại từ trước năm 1997, đi qua 02 thửa đất đối diện nhau của gia đình ông H và đến nhà gia đình bà B, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp lối đi chung, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất là chưa chính xác.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H là có căn cứ.

[3] Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà B không có đơn xin miễn án phí, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị

B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bà B có đơn xin miễn án phí nên bà B được miễn án phí dân sự trong vụ án.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B về việc đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST, ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk về án phí.

[5] Về án phí dân sự:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đức H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 60AA/2021/0001657, ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B về việc đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST, ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk về án phí.

[2] Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 10 Điều 12; khoản 5, 7 Điều 166; khoản 1 Điều 170; Điều 202; Điều 203 Luật Đất đai; Điều 169; Điều 175; Điều 189; Điều 190 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất; buộc bà Nguyễn Thị B phải phá dỡ 22,5m hàng rào ngăn cản lối đi vào sử dụng khu vườn chuối, ruộng lúa nước có số thửa 151, 152 tờ bản đồ 15b (bản đồ địa chính năm 1997) của ông Nguyễn Đức H (đoạn hàng rào lưới B40, lưới cước, nhựa, cọc tre, cọc bê tông từ cổng nhà bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Ng đến nhà ông Nguyễn Văn C1).

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đức H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đức H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 60AA/2021/0001657, ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn